

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 22/2020/DS- ST

Ngày 27-11-2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Phan Hữu Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS, ngày 09-11-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo pháp luật: Anh Phương Ngọc D, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Tuyết B, chức vụ: phó giám đốc, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H và ông Lê Xuân Q, cùng địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Đào Xuân H, địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết B trình bày:

Vào ngày 25-01-2009 anh Trần Văn Đ có vay của bà Đào Thị H và ông Lê Xuân Q số tiền là 10.000.000đ, anh Đ hẹn đến ngày 25-12-2009 sẽ trả số tiền trên; ngày 22-3-2009 anh Đ lại vay tiếp số tiền 10.000.000đ, khi vay hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 4%/tháng; đến ngày 04-5-2009 tại nhà ông Q, anh Đ mượn thêm 1,5 tấn cà phê nhân khô đủ độ, anh Đ hẹn đến ngày 30-11-2009 sẽ trả; khi mượn hai bên không thỏa thuận mức lãi suất. Tất cả các khoản vay, mượn trên đều có chữ ký của anh Đ. Sau khi vay tiền và mượn cà phê thì anh Đ đã không trả cho bà H, ông Q và đã bỏ đi khỏi địa phương, sau này khi bà H, ông Q biết được anh Đ chuyển đến sinh sống tại địa bàn xã Q nên đã liên hệ, yêu cầu anh Đ trả số tiền trên, tuy nhiên anh Đ không có tiền trả nên hai bên có thỏa thuận lại, tổng số tiền anh Đ phải trả cho bà H, ông Q là 100.000.000đ, anh Đ hẹn trong tháng 3-2018 sẽ trả số tiền 30.000.000đ; số tiền còn lại sẽ trả dần trong các tháng tiếp theo và trả hoàn tất đến ngày 20-12-2018 (số tiền 100.000.000đ bao gồm tiền vay gốc, tiền mượn cà phê và tiền lãi suất). Sau khi thỏa thuận, anh Đ đã không trả được khoản nào, sau nhiều lần yêu cầu anh Đ trả nợ nhưng anh Đ không trả, ngày 23-10-2019 bà Đào Thị H đã bán toàn bộ số nợ trên cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K (sau đây gọi là Công ty K). Mặc dù đã được Công ty K gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng anh Đ không hợp tác và cố tình lẩn tránh, do vậy Công ty K khởi kiện, yêu cầu anh Đ phải trả số tiền là 100.000.000đ và tiền lãi suất kể từ ngày 25-01-2018 đến thời điểm khởi kiện là 41.440.000 đồng và lãi suất phát sinh đến ngày Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi suất với mức 20%/năm và xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi suất nêu trên, chỉ yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 21-12-2018 đến ngày giải quyết theo mức 10%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh Đ không hợp tác nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong ngày 11-8-2020 đối với anh Trần Văn Đ trình bày, khoảng năm 2007-2008 anh có vay của bà H, ông Q số tiền 20.000.000đ với lãi suất 5%/tháng, tuy nhiên trong giấy vay tiền chỉ ghi lãi suất theo thỏa thuận, khi vay tiền thì hai bên có lập 01 bản hợp đồng viết tay, có chữ ký của anh Đ, hợp đồng do bà H giữ do hợp đồng được ghi trong cuốn sổ của bà H, số tiền trên anh Đ đã trả cả gốc và lãi suất vào cuối năm, sau khi trả tiền thì bà H đã xóa trong sổ toàn bộ nội dung vay nợ. Việc Công ty K yêu cầu anh trả số tiền đã vay của bà H là 100.000.000đ và lãi suất anh không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. về tài liệu chứng cứ liên quan đến việc trả tiền anh không có nên không cung cấp được cho Tòa án.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H và ông Lê Xuân Q trình bày: Vào ngày 25-01-2018 ông Trần Văn Đ cư trú tại bon R, xã Q mượn nợ với số tiền 100.000.000đ, ông Đ hẹn trong tháng 3-2018 sẽ trả nợ, tuy nhiên đến hẹn ông Đ luôn khát nợ, hẹn hết lần này sang lần khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Ngày 23-10-2019 bà H ký kết hợp đồng mua bán nợ với Công ty K, bà

H, ông Q đồng ý để Công ty K được toàn quyền quyết định, xử trí món nợ và không có ý kiến gì.

Vì điều kiện đường xa nên ông Q, bà H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty K, buộc anh Trần Văn Đ phải trả số tiền là 100.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty K khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn Đ, trú tại Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải trả số tiền đã vay 100.000.000đ. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét giấy vay tiền viết tay ngày 25-01-2009 và ngày 22-3-2009 (AL) do nguyên đơn cung cấp (bản gốc) thể hiện anh Trần Văn Đ có vay của bà Đào Thị H và ông Lê Xuân Q số tiền là 20.000.000đ (vay 2 lần, mỗi lần 10.000.000đ) có chữ ký của anh Đ; thời hạn trả nợ ngày 25-12-2009, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng; tại giấy xác nhận nợ ngày 04-05-2009 do nguyên đơn cung cấp (bản gốc) thể hiện anh Trần Văn Đ có mượn của bà H, ông Q 1,5 tấn cà phê nhân đủ độ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến ngày 30-11-2009 anh Đ phải trả số cà phê trên.

[2.2]. Xét quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không hợp tác làm việc, tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11-8-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đối với anh Trần Văn Đ, anh Đ thừa nhận có vay của bà H, ông Q số tiền 20.000.000đ, việc vay tiền có lập giấy vay, có chữ ký của anh Đ và được viết trong cuốn sổ do bà H giữ ngoài ra anh Đ không vay thêm khoản vay nào khác. Tuy nhiên đối chiếu với tài liệu do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của anh Đ, chữ ký của anh Đ trong hai lần vay tiền với chữ ký trong giấy xác nhận nợ ngày 04-5-2009; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định, vào năm 2009 anh Trần Văn Đ có vay của bà Đào Thị H, ông Lê Xuân Quyền số tiền 20.000.000đ và 1,5 tấn cà phê nhân khô đủ độ.

[2.3]. Xét ý kiến của bị đơn trình bày, số tiền vay 20.000.000đ bị đơn đã trả cho bà H vào cuối năm (khoảng năm 2007-2008); tuy nhiên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả tiền; xét giấy nhận nợ lập ngày

25-01-2018 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn Trần Văn Đ chịu trách nhiệm số tiền nợ 100.000.000đ, hẹn trong tháng 03-2018 sẽ trả 30.000.000đ, số còn lại 70.000.000đ sẽ trả dần trong các tháng tiếp theo, trả hoàn tất vào ngày 20-12-2018 có chữ ký của anh Trần Văn Đ; số tiền này được hai bên thỏa thuận chuyển từ số tiền nợ 20.000.000đ và 1,5 tấn cà phê nhân khô đủ độ từ năm 2009 sang thành giấy nhận nợ.

[2.4]. Xét ý kiến trình bày của người làm chứng anh Đào Văn Hạnh trình bày, vào năm 2009 anh Đ có vay của bà H, ông Q số tiền 20.000.000đ và 1,5 tấn cà phê nhân khô đủ độ, tuy nhiên do anh Đ không trả và lẫn trốn nên đến năm 2018 mới biết anh Đ chuyển đến sinh sống tại Bon R, xã Q, anh Hạnh và con rể bà H là anh Long đến yêu cầu anh Đ trả tiền, sau khi đối chiếu công nợ, số tiền nợ anh Đ nợ bà H gần 200.000.000đ, tuy nhiên vì gia đình anh Đ khó khăn nên hai bên chỉ chốt nợ số tiền anh Đ đã vay là 20.000.000đ và 1,5 tấn cà phê nhân khô đủ độ và lãi suất thành số tiền 100.000.000đ.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của người làm chứng, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định ngày 25-01-2018 giữa anh Trần Văn Đ và gia đình bà Đào Thị H đã chuyển toàn bộ số tiền vay, mượn cà phê và tiền lãi suất thành giấy nhận nợ.

[2.5]. Theo thỏa thuận tại giấy nhận nợ ngày 25-01-2018 anh Đ có nghĩa vụ trả số tiền 30.000.000đ trong tháng 3-2018, số tiền còn lại trả trong các tháng, hoàn tất ngày 20-12-2018, tuy nhiên anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng không được. Ngày 23-10-2019 bà H đã ký hợp đồng mua bán nợ số 130/2019/HĐ –KN với Công ty K, theo nội dung hợp đồng, bà H bán khoản nợ 100.000.000đ cho Công ty K và tiền lãi suất phát sinh đối với khách nợ là anh Trần Văn Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 69/2019/NĐ-Cp ngày 01-7-2016 của Chính phủ thì “Mua bán nợ là việc bên bán nợ chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ và các quyền khác liên quan đến khoản nợ”. Công ty K có tư cách pháp nhân, có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được hoạt động kinh doanh mua bán nợ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 365 của Bộ luật dân sự, trường hợp bà H ký hợp đồng mua bán khoản nợ trên với Công ty K thuộc trường hợp chuyển giao quyền yêu cầu và các bên được quyền mua bán quyền tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 450 của Bộ luật dân sự. Trước khi thực hiện việc khởi kiện, Công ty K đã gửi thông báo đòi nợ, bị đơn đã biết việc Công ty K đòi nợ, Công ty K đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 369 của Bộ luật dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty K yêu cầu anh Trần Văn Đ phải trả số tiền vay là 100.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1]. Số tiền anh Đ vay năm 2009 là 20.000.000đ, hẹn trả ngày 25-12-2009 và 1,5 tấn cà phê nhân đủ độ, hẹn trả ngày 30-11-2009, tuy nhiên anh Đ không trả, như vậy kể từ ngày 26-12-2009 và ngày 01-12-2009 các khoản vay, mượn trên đã chuyển sang quá hạn, xét khi vay tiền các bên có thỏa thuận mức lãi suất 4%/năm/số tiền 10.000.000đ, các khoản còn lại không thỏa thuận lãi suất tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, nên anh

Đ phải chịu khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 19-10-2020 xác định giá cà phê nhân đủ độ trên thị trường tại thời điểm tháng 01 năm 2018 là 36.600đ/kg. Như vậy 1,5 tấn cà phê x 36.600đ/kg là 54.900.000đ, lãi suất của khoản tiền này kể từ ngày vi phạm đến ngày viết giấy nhận nợ là 08 năm; 01 tháng 24 ngày x 10%/năm x 54.900.000đ là 44.743.500đ; số tiền lãi chậm trả của số tiền đã vay 20.000.000đ kể từ ngày vi phạm 26-12-2009 đến ngày 25-01-2018 là 08 năm 01 tháng x 10%/năm là 16.167.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi anh Đ phải trả là 135.810.500 đồng. Tuy nhiên ngày 25-01-2018 các bên chỉ thỏa thuận anh Đ phải trả số tiền 100.000.000đ (bao gồm cả số tiền vay và cà phê), xét thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, do anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 351; khoản 1 Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Công ty K yêu cầu anh Trần Văn Đ phải trả số tiền 100.000.000đ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Xét ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa xin rút yêu cầu tính lãi suất với mức 20%/năm kể từ ngày 25-01-2018 đối với số tiền 100.000.000đ là 41.440.000đ; chỉ yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 21-12-2018 đến ngày giải quyết theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, việc nguyên đơn xin rút yêu cầu là tự nguyện; do vậy cần buộc bị đơn phải chịu số tiền lãi suất của số tiền 100.000.000đ x 10%/năm x 1 năm 11 tháng 06 ngày là 19.333.332 đồng.

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 119.333.332 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi suất vượt quá là 22.106.668 đồng.

[3.3]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu anh Đ phải trả tiền nợ, toàn bộ các chứng từ vay, mượn chỉ có chữ ký của anh Đ; do anh Đ không hợp tác làm việc để xác định nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án không đưa vợ anh Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[4]. Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn anh Trần Văn Đ phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các khoản 1 Điều

351, Điều 450; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty K

Buộc anh Trần Văn Đ phải trả cho Công ty K tổng số tiền là 119.333.332 đồng; trong đó tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 19.333.332 đồng.

Kể từ ngày Công ty K có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu anh Trần Văn Đ không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 22.106.668 đồng.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.966.666 đ (*năm triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Công ty K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.536.000đ (*ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000967 ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

